

VÀI NÉT VŨ ÂM NHẠC DÂN GIAN CỦA NGƯỜI BỐ Y Ở HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG

TRẦN QUỐC VIỆT

1. Giới thiệu

Bố Y là tộc người sống ở miền núi phía Bắc nước ta (Tổng cục thống kê, 2001, tr. 21)¹. Theo cuốn “*Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*”, người Bố Y ở Việt Nam gồm hai nhóm: nhóm Bố Y ở huyện Quản Bạ (tỉnh Hà Giang) và nhóm Tu Dí ở huyện Mường Khương (tỉnh Lào Cai). Cả hai nhóm đều có nguồn gốc từ tỉnh Quý Châu (Trung Quốc), di cư đến nước ta vào khoảng giữa thế kỷ thứ XIX (Viện Dân tộc học, 1978, tr. 263-264).

Giữa hai nhóm này có sự phân biệt rõ nét thể hiện ở bộ nữ phục và ngôn ngữ. Nhóm Bố Y vẫn giữ được tiếng mẹ đẻ, còn nhóm Tu Dí đã dùng tiếng Hán để giao tiếp hàng ngày. Hiện nay, phụ nữ Bố Y ở vùng Quản Bạ mặc kiểu áo quần Nùng, còn phụ nữ Tu Dí ở huyện Mường Khương mang trên mình kiểu y phục của người Hoa. Tuy nhiên, giữa hai nhóm ít có liên hệ với nhau, thậm chí theo khảo sát của chúng tôi, nhóm Bố Y ở Quản Bạ không biết nhóm người Tu Dí ở Mường Khương là đồng tộc với mình.

Từ trước đến nay, các công trình nghiên cứu về người Bố Y không nhiều, chủ

yếu nhìn dưới góc độ lịch sử tộc người (Viện Dân tộc học, 1975, 1978, 1983), hay so sánh những nét tương đồng và dị biệt với nhóm Tu Dí ở huyện Mường Khương (Nguyễn Thị Thanh Nga, 2006, tr. 486-492); hoặc tiếp cận việc bảo tồn văn hoá theo một phương pháp nghiên cứu nước ngoài (Nguyễn Phi Vân, Nguyễn Thị Kim Hoa, 2006, tr. 48-54). Cho đến nay, hầu như chưa có công trình nào bàn đến vốn văn hoá dân gian, nhất là âm nhạc dân gian của người Bố Y ở các địa bàn khác nhau.

Trong bài viết này, chúng tôi nêu một số tư liệu về âm nhạc dân gian của người Bố Y tại xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.

Người Bố Y ở huyện Quản Bạ tính đến cuối năm 2005 có 677 nhân khẩu. Hiện nay, họ cư trú tại các thôn Nặm Lương, Tân Tiến, Lùng Thàng, Đổng Tinh, Nà Bốc và Bó Néch thuộc xã Quyết Tiến.

2. Âm nhạc dân gian của người Bố Y

Người Bố Y ở đây còn giữ được nhiều nét văn hoá truyền thống, đặc biệt là tiếng mẹ đẻ và âm nhạc dân gian. Âm nhạc dân gian bao gồm hai thể loại là thanh nhạc và khí nhạc. Cả hai thể loại trên đều không còn nguyên vẹn như xưa. Vì vậy, để có một phác hoạ tương đối đầy đủ về âm nhạc dân gian của người Bố Y ở huyện Quản Bạ trước đây,

¹ Theo *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999*, tộc Bố Y có 1.864 người, đứng thứ 48 trong 54 tộc người ở Việt Nam.

ngoài các yếu tố còn tồn tại trong các sinh hoạt văn hoá hiện nay của họ, tôi sử dụng cả những tư liệu điều tra hồi cố với các nghệ nhân Bó Y.

2.1. Thanh nhạc

Thể loại thanh nhạc trong âm nhạc dân gian Bó Y bao gồm các bài dân ca dùng trong sinh hoạt đời thường, các bài dân ca lễ nghi phong tục và các bài dân ca lễ nghi tín ngưỡng.

2.1.1. Dân ca sinh hoạt đời thường

Dân ca sinh hoạt đời thường của người Bó Y gồm ba loại: bài hát trong vui chơi, bài hát trong lao động và bài hát trong giao duyên.

2.1.1.1. Bài hát trong vui chơi

Trong những dịp nghỉ ngơi, vui chơi như các ngày lễ tết, đám cưới, mừng nhà mới, mừng trẻ đầy tháng, mừng thọ người già và các dịp vui khác, khi đi chơi hay uống rượu, người Bó Y thường hát dân ca góp vui với nhau.

Để bắt đầu, chủ nhà yêu cầu một người nào đó hát. Khi đó, người được yêu cầu hát căn cứ vào quan hệ với chủ nhà hoặc ý muốn diễn đạt mà chọn bài hát. Khi người thứ nhất hát xong, những người còn lại trong cuộc vui sẽ tùy hứng chọn các bài hát khác nhau để hát đáp lại. Cũng có thể vài người cùng hát chung một bài. Nếu trong cuộc vui có nam, nữ cùng dự thì sẽ diễn ra hát đối đáp giữa hai bên, như một hình thức thi tài hát ứng tác.

Các bài dân ca này bao gồm nhiều nội dung khác nhau. Người hát tùy thuộc từng

hoàn cảnh giao tiếp và ý định diễn tả của mình mà chọn bài hát. Những bài thường được sử dụng là:

- *Phân hám le ngoàn vầy từng pùng* (chào hỏi lâu ngày mới gặp nhau) thể hiện những tình cảm của hai người xa nhau đã lâu, nay mới gặp lại.

- *Ít tằm ít màng màng câu pháy* (nhất nhất anh (chị, ông, bà, bạn...) mong tôi hát) là những lời bày tỏ lòng cảm ơn của người hát đáp lại đối với tấm lòng của người đã mời mình hát.

- *Cấu po đây* (ca ngợi nhau) vừa là những lời ca tụng sự thành đạt, giàu sang, ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp.

- *Phân thàng dần* (hát dựng nhà) ca ngợi ngôi nhà mới của chủ nhà vừa to vừa đẹp, có nhiều phúc, nhiều lộc.

- *Phân cân nhằm xhầu dân* (ăn cảm ơn chủ nhà) là những lời cảm ơn chủ nhà đã đón tiếp nhiệt tình, chu đáo, cũng là lời xin phép trước khi ra về của khách...

2.1.1.2. Bài hát trong lao động

Người Bó Y sống trên địa hình phức tạp nhiều núi cao, vực sâu, nương rẫy ở xa nhà nên việc đi lại rất khó khăn. Mỗi kỳ đi làm nương, người Bó Y thường phải mất vài ngày ở trên nương. Vì vậy, hát dân ca, trong đó có những bài hát lao động, là sinh hoạt tinh thần chính của những người đi nương. Ông Ngũ Khởi Phụng (sinh năm 1935, ở thôn Nậm Lương, xã Quyết Tiến), nghệ nhân hát dân ca Bó Y kể lại: trước đây, người Bó Y thường hay hát trong quá trình lao động sản xuất trên ruộng, nương, kể cả khi lao động tại nhà. Mỗi công việc

có một bài hát riêng như: bài hát về dệt vải, bài hát về hót cá, bài hát về trồng ngô... Tiếc rằng hiện nay, họ đã đánh mất gần hết các bài dân ca loại này, chỉ còn lại một bài duy nhất. Đó là bài *Phân chò đưa chò lao* (hát chế men làm rượu). Nói chung, nội dung các bài hát lao động thường mô tả chi tiết các công đoạn, quá trình làm việc. Chẳng hạn, bài hát *Phân chò đưa chò lao* tả về quá trình làm rượu của người Bô Y từ khâu tìm nguyên liệu là cây cỏ trong rừng về, đến khi chế biến thành men rượu và nấu thành rượu.

Cũng theo ông Phụng, các bài hát về lao động không chỉ được hát trong quá trình sản xuất, mà đôi khi còn được hát trong lúc nghỉ ngơi hoặc khi ăn mừng thành quả lao động (ví dụ như trong lễ mừng nhà mới, lễ ăn mừng cơm mới...). Ví như, bài *Phân chò đưa chò lao* được hát trong khi nấu rượu và cả khi uống rượu. Đây là một bài hát rất dài. Người Bô Y thường hát bài này theo kiểu hát nối tiếp nhau mỗi người hát một khổ cho đến hết bài.

2.1.1.3. Bài hát trong giao duyên

Cũng như nhiều dân tộc khác ở Quảng Bạ, thanh niên nam nữ Bô Y thường hát trao đổi tình cảm với nhau bằng những bài dân ca giao duyên khi làm ruộng, nương, rẫy gần nhau; trên đường đi chợ, khi tụ tập nhau ở các chợ phiên; các dịp lễ tết và các cuộc vui khác.

Trong hát giao duyên của người Bô Y, thường từng đôi nam nữ hát với nhau. Nam giới thường là người chủ động hát trước. Cô gái hát đáp lại. Cô chọn bài hát

hoặc lời hát nào là tùy thuộc vào hoàn cảnh của mình đã có chồng hay chưa, thể hiện đồng cảm hay không đồng cảm với người con trai.

Hình thức hát giao duyên Bô Y là hát đối đáp. Nếu tập trung thành nhóm nam, nữ thì từng nhóm sẽ lần lượt cử các đại diện hát đối với nhau. Cũng có khi cao hứng (người Bô Y gọi là *nghe vào tai*), người ta hát đối theo hình thức đồng ca, với số lượng người tùy từng nhóm, từng lúc.

Trước đây, nam nữ thanh niên người Bô Y thường hát thâu đêm trong các cuộc vui. Nay nét văn hoá này đã phai nhạt.

Các bài hát giao duyên Bô Y thể hiện những tâm tư tình cảm của thanh niên mong muốn có được một cuộc sống hạnh phúc, giản dị với người mình yêu, ước muốn được tự do yêu đương thoát khỏi những ràng buộc, tập tục ngăn cản họ đến với nhau. Các bài hát giao duyên hiện nay cũng đã mất đi nhiều, còn lại một số bài sau:

- Bài *Hám sắc hảy chấy nà* (hỏi cạnh ruộng nương) là những lời thăm dò ý tứ của người con trai hỏi người con gái đã có nơi có chốn chưa và lời đáp của cô gái đối với chàng trai.

- Bài *Phân bó xho* (hỏi quê, hỏi họ) là những lời làm quen, hỏi nhau về quê quán, tên họ khi mới gặp nhau của nam nữ thanh niên Bô Y.

- Bài *Bó xho từng strìn cân ian* (trai gái mời nhau hút thuốc) là sự bày tỏ những tình cảm của đôi trai gái khi mời nhau hút thuốc.

- Bài *Khùa xhây piat ta xhâu mây hũa* (tám chữ mệnh không hợp) là những tâm tư đau buồn của đôi trai gái yêu nhau mà không lấy được nhau vì số mệnh không hợp...

2.1.2. Dân ca lễ nghi phong tục

Các bài dân ca lễ nghi phong tục bao gồm các bài hát trong đám cưới (xin phép, hát ngăn cửa đám cưới) và các bài hát trong đám tang.

2.1.2.1. Hát xin phép (*chăm tức phân*)

Đây là một phong tục thể hiện văn hoá giao tiếp của người Bố Y dùng trong đám cưới hoặc các cuộc vui, thể hiện sự tôn trọng của người hát với người đã mời hoặc giới thiệu mình hát. Khi được ai đó mời hát, người hát phải hát bài hát xin phép trước rồi mới hát bài hát tự chọn.

Bài hát xin phép của người Bố Y có thể thay đổi các đại từ nhân xưng trong khi hát. Người hát xem đối tượng mời mình hát thuộc vai vế nào so với mình rồi căn cứ vào đó chọn từ xưng hô phù hợp để hát:

- Ví dụ:

+ Nếu người mời là người thuộc vai cao (*lóp ông bà, bác, bố, chú*) thì hát lời như sau:

Châu sinh ún sinh oài pai à cần

Mây hà sinh *pầu lò* tóc dẳng

Châu sinh ún sinh oài pai xhăng

Mây hà sinh vằn bần tóc dẳng

- Dịch:

Đón giọng ngon giọng ngọt đi lên

Không cho giọng người già rơi xuống đất

Đón giọng ngon giọng ngọt lên cao

Không cho giọng dân làng rơi xuống đất.

+ Nếu người mời là *lóp anh, chị* thì hát:

Châu sinh ún sinh oài pai à cần

Mây hà sinh *chả pây* tóc dẳng

Châu sinh ún sinh oài pai xhăng

Mây hà sinh vằn bần tóc dẳng.

Nghĩa như lời ca trên, song thay từ *pầu lò* (người già) bằng từ *chả pây* (các anh).

2.1.2.2. Hát ngăn cửa đám cưới (*Phân thòan tâu*)

Phân thòan tâu theo tiếng Bố Y có nghĩa là *hát ngăn cửa*. Loại bài hát này người Bố Y chỉ hát trong đám cưới. Tục này được thực hiện khi nhà trai đến nhà gái trong các lễ ăn hỏi, lễ dẫn cưới và lễ cưới (lúc đón dâu), nhà gái ngăn cửa ra vào bằng một chiếc ghế băng, trên ghế đặt sẵn bốn bát rượu. Họ yêu cầu nhà trai hát đối rồi mới được vào nhà nói chuyện.

Trong một đám cưới truyền thống của người Bố Y, nhà gái và nhà trai hát *Phân thòan tâu* bốn lần:

- Lần một: hát trong lễ ăn hỏi.

- Lần hai và lần ba: hát trong lễ dẫn cưới.

- Lần bốn: hát trong lễ cưới.

Cách thức tiến hành hát ngăn cửa đám cưới như sau:

Sau khi yêu cầu nhà trai hát ngăn cửa, nhà gái bắt đầu hát bài thứ nhất trong *Phân*

thoàn tâu hỏi đại diện nhà trai (hai ông mỗi nếu là lễ ăn hỏi hoặc dẫn cưới, hai phù rể nếu là lễ cưới). Nhà gái hát xong bài hát này, đại diện nhà trai sẽ phải hát bài hát xin phép trước rồi mới hát trả lời từng bài một của nhà gái. Nếu họ không hát đối lại được với nhà gái thì sẽ bị uống bốn bát rượu (rượu ngăn cửa) rồi mới được vào nhà. Nếu đại diện nhà trai đối được cả năm bài của nhà gái thì họ được dịch ghế ra để vào nhà nói chuyện với nhà gái mà không phải uống bốn bát rượu kia.

Hát ngăn cửa đám cưới không chỉ là sự góp vui cho đám cưới mà còn là sự thăm dò ý tứ giữa hai nhà thông gia, sự thử thách của nhà gái mà nhà trai phải vượt qua.

Các bài hát ngăn cửa trong đám cưới bao gồm năm bài hát của nhà gái và kèm theo năm bài hát của nhà trai (không kể bài hát xin phép).

Nhà gái hát trước, nhà trai hát đáp xoay quanh các nội dung sau:

- Phía nhà gái:

+ Bài một: nhà gái hỏi nhà trai từ đâu đến.

+ Bài hai: nhà gái hỏi nhà trai vì sao đến.

+ Bài ba: nhà gái hỏi nhà trai đến tìm ai.

+ Bài bốn: nhà gái xin lỗi vì không có gì đãi khách.

+ Bài năm: nhà gái mời nhà trai mở cửa vào nhà.

- Phía nhà trai:

+ Bài một: nhà trai trả lời từ đâu đến.

+ Bài hai: nhà trai trả lời vì sao đến.

+ Bài ba: nhà trai trả lời đến tìm chủ nhà của nhà gái.

+ Bài bốn: nhà trai cảm ơn nhà gái đã đón tiếp chu đáo.

+ Bài năm: nhà trai xin phép mở cửa vào nhà gái.

Lời hát của nhà gái là những lời khiêm tốn, nhún nhường nhưng ẩn chứa những tình huống thử thách sự ứng đối của nhà trai.

Chẳng hạn, khi nhà gái hát bài thứ ba trong *Phân thoàn tâu* hỏi nhà trai, họ cố ý dùng từ “*tình*” (tiếng Bồ Y có nghĩa là *lều, lán*) để chỉ nhà mình, nếu nhà trai hát đáp vô tình cũng hát theo nhà gái gọi nhà họ là “*tình*” mà không thay bằng từ “*dân*” (tiếng Bồ Y có nghĩa là nhà) thì sẽ bị nhà gái bắt lỗi vì như vậy là khinh nhà gái. Vì vậy, nhà trai ngoài việc hát đúng làn điệu, còn phải đối lời ca sao cho tránh mắc phải lỗi. Nếu nhà trai mắc lỗi, nhà gái sẽ lấy cớ đó để phạt họ phải uống rượu.

Tuy là một tập tục cổ truyền rất độc đáo nhưng hiện nay việc hát *Phân thoàn tâu* trong đám cưới cũng không còn bắt buộc, nhất là ở những đám cưới giữa người Bồ Y với người dân tộc khác.

2.1.2.3. Bài hát cúng ma

Đám tang của người Bồ Y gồm hai giai đoạn là *lễ mai táng* và *lễ cúng ma*. Những bài hát cúng được sử dụng trong giai đoạn hai của đám tang. Lễ này kéo dài trong hai ngày, ba đêm với nhiều công việc, nghi thức khác nhau.

Tất cả các bài cúng ma đều do thầy cúng thực hiện theo một trình tự đã được quy định từ trước. Những lúc thầy cúng mệt cần nghỉ ngơi, học trò của thầy cúng sẽ phụ cúng một số bài. Trước khi vào mỗi bài cúng, người ta đánh ba tiếng trống đồng để thức tỉnh linh hồn người chết dậy nghe cúng.

Các bài cúng ma thể hiện nghĩa vụ, sự quan tâm chăm sóc của người sống với người chết để các linh hồn người chết đến được những nơi trú ngụ mới của chúng (lên trời, xuống làng ma ở dưới âm phủ...). Nội dung cụ thể của các bài cúng ma rất dài, chúng tôi tóm lược những nội dung cơ bản trải dài suốt quá trình cúng như sau:

- + Trình báo với tổ tiên về người chết để tổ tiên biết.
- + Giải hạn tẩy rửa mọi tội lỗi trên trần thế cho ma (người chết).
- + Mua sắm các đồ hàng mã cho ma.
- + Chỉ đường cho ma đi đến nơi ở của nó (làng ma).
- + Làm nhà cho ma, khánh thành nhà và thắp đèn nhà ma.
- + Làm đường cho ma lên trời bằng cây tre gai.
- + Măng yêu tinh, quét nhà đuổi yêu tinh không cho nó ăn thịt xác chết.
- + Nộp trâu thay thế cho xác chết để yêu tinh ăn thịt.
- + Con gái, con rể biếu các đồ hàng mã

cho ma.

- + Đưa ma đi nhập vào với tổ tiên.

2.2. Khí nhạc

Trước đây người Bô Y thường chơi một số loại nhạc cụ như: nhị, đàn tam, sáo, kèn, trống đồng, thanh la, chiêng, nạo bạt. Nhưng ngày nay hầu hết đã thất truyền, chỉ còn giữ lại được hai nhạc cụ dùng trong cúng lễ là nạo bạt và trống đồng.

2.2.1. Nạo bạt

Đây là một nhạc cụ thuộc họ thân vang. Nạo bạt không phải là nhạc cụ riêng của người Bô Y. Nhiều dân tộc khác cũng có loại nhạc cụ này.

Nạo bạt Bô Y có đường kính vành ngoài 30cm. Núm ở giữa khá to, đường kính 15cm trông giống như cái mũ. Giữa hai đỉnh núm, có dùi lỗ xỏ quai dây để thầy cúng nắm vào đó khi sử dụng nạo bạt. Để kích âm, người ta đập hai má của nạo bạt vào nhau tạo nên tiếng kêu.

Nạo bạt được thầy cúng sử dụng trong khi hát các bài cúng với chức năng đệm nhấn vào những phách mạnh hoặc những chỗ cần nhấn mạnh.

2.2.2. Trống đồng

Trống đồng là khí cụ cổ truyền của người Bô Y mang từ nơi cư trú trước đây của họ ở Quý Châu (Trung Quốc) sang Việt Nam. Theo truyện kể dân gian Bô Y, lúc đầu có hai trống, gồm một trống đục, một trống cái. Sau này trống đục đi đánh nhau với Thuồng Luồng dưới vực nước sâu bị mất, chỉ còn lại trống cái. Đó là cái trống

đồng hiện nay người Bô Y ở huyện Quản Bạ đang dùng.

Về cấu trúc, trống loe ở hai đầu, thót ở giữa, chỉ có một mặt, không có đáy. Trống cao 60cm, đường kính mặt trống 70cm, đường kính eo trống 50cm và đường kính đáy trống 60cm. Giữa mặt trống có hoa văn hình ngôi sao 12 cánh. Bao quanh các cánh sao có các hoa văn hình chuỗi hạt, hình chim đuôi sóc đậu trên hoa hướng dương và hình sóng nước. Thân trống không có hoa văn. Quai trống là quai đơn làm theo hình dây thừng bện.

Người Bô Y kích âm trống bằng cách dùng dây buộc vào một bên quai trống rồi treo trống lên xà nhà cho trống nằm ngang. Dùng nắm tay đánh vào mặt trống, trống sẽ phát ra tiếng kêu.

Người Bô Y không có khí nhạc riêng (với nghĩa là những thể loại nhạc dành riêng cho nhạc cụ diễn tấu, hoàn toàn không liên quan tới nhạc hát). Trước đây, khi còn dùng nhiều loại nhạc cụ, người Bô Y ở huyện Quản Bạ có hai hình thức sử dụng nhạc cụ: đệm tòng theo giai điệu các bài dân ca hoặc họ có thể đàn riêng giai điệu các bài hát khi không hát. Hiện nay, nhiều loại nhạc cụ đó (kèn lá, nhị, đàn tam, sáo) không còn người biết chơi. Các nhạc cụ hiện còn đang được sử dụng chỉ còn nạo bạt và trống đồng, được thầy cúng dùng để đệm hát và mở đầu khi hát cúng.

Nhìn chung, khí nhạc của người Bô Y hiện nay vẫn còn đang ở giai đoạn giản đơn. Đó chỉ là những tiếng gõ đều đặn do hai nhạc cụ là nạo bạt và trống đồng độc tấu.

Tuy có sự mai một, âm nhạc dân gian Bô Y chưa bị hoà tan vào các nền âm nhạc khác mà về cơ bản, vẫn giữ được cốt lõi cổ truyền, giàu bản sắc dân tộc. Đó là một giá trị văn hoá quý báu của người Bô Y cần được giữ gìn và phát huy trong giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Thanh Nga (2006), “Những nét tương đồng và khác biệt về văn hoá của người Tu Dí và Bô Y”, trong: *Thông báo Dân tộc học năm 2005*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 486-492.
2. Tổng cục Thống kê (2001), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
3. Nguyễn Phi Vân, Nguyễn Thị Kim Hoa (2006), “Áp dụng phương pháp nghiên cứu của người dân trong tiếp cận phát triển cộng đồng về văn hoá (qua thực hiện ở dân tộc Bô Y tại xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 48-54.
4. Viện Dân tộc học (1975), *Vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Viện Dân tộc học (1983), *Sổ tay về các dân tộc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.